

Bản án số: 73/2020/HS - PT

Ngày: 12 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân.**

Các Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Thanh Phong.**

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Minh Hiếu**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Quốc T, sinh 1989. tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện CT, Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: 7/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H, sinh 1953 và bà Đỗ Thị H, sinh 1952; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án: 01, ngày 09/8/2012 bị TAND huyện CT, tỉnh Tiền Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành án xong ngày 08/9/2018. Tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 08/10/2019 đến nay (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- Bị cáo không kháng cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh 1991, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: (không xác định); Mẹ Nguyễn Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: 01, ngày 08/01/2014, bị TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 22/11/2017. Tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 08/10/2019 đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc T và Nguyễn Văn Đ cùng chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, Tiền Giang, nên quen biết nhau. Sau khi chấp hành xong hình phạt, từ ngày 22/9/2019 đến ngày 07/10/2019 T và Đ thực hiện các vụ trộm cắp như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 21 giờ ngày 22/9/2019, Lê Quốc T mượn xe gắn máy của anh ruột tên Lê Quốc M đến nhà của Nguyễn Văn Đ ở ấp H, xã H, huyện C chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ rủ T đi tìm gà để trộm. T đồng ý và chở Đ đi tìm tài sản trộm. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày cả hai đi đến trước nhà anh Trương Văn C ngụ cùng ấp. Cả hai đậu xe trước nhà anh C và đi vào trong tìm tài sản để trộm. T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX loại Suzuki đậu sát vách ở nhà trước, nên rủ Đ lấy trộm. Đ mở cửa rồi cả hai cùng dẫn xe mô tô 63B1-XXX.XX ra đường, T điều khiển xe vừa trộm được, Đ điều khiển xe 63AC-XXX.XX về nhà T cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/9/2019 T đem xe mô tô trộm được đến khu vực Cầu S, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cầm cho một người tên V (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) được 6.000.000đ. T chia cho Đ 3.000.000đ, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 24/9/2019, T thỏa thuận bán xe 63B1-XXX.XX cho người tên K (không rõ họ tên và địa chỉ) 16.000.000đ, T trả lại cho V 6.200.000đ chuộc xe lại giao cho K. T chia cho Đ thêm 4.900.000đ, còn lại 4.900.000đ T tiêu xài hết.

Đến khoảng 23 giờ 35 phút ngày 06/10/2019 tổ tuần tra thuộc Phòng Cảnh sát Công an tỉnh Tiền Giang phát hiện đối tượng điều khiển xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX có biểu hiện nghi vấn nên chặn kiểm tra hành chính, thì đối tượng bỏ chạy để lại xe mô tô. Qua xác minh phát hiện T và Đ trộm cắp chiếc xe trên địa bàn huyện C nên giao Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền.

Đến ngày 09/11/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX cho bị hại là anh C. Còn giữ lại 01 điện thoại di động hiệu BUK và 01 giấy phép lái xe của T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh C đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô và không yêu cầu hai bị cáo bồi thường gì thêm.

Vụ thứ 2:

Khoảng 14 giờ, ngày 07/10/2019, Lê Quốc T đi bộ từ nhà trọ V M ở ấp M, xã M ra quốc lộ 1A. Khi đi ngang qua nhà anh Lê Quang B, cùng ấp M, xã Mỹ, huyện C. T nhìn thấy xe mô tô Wave Alpha, biển số 63B1-XXX.XX, của anh Bình đậu trước hành lang nhà có gắn sẵn chìa khóa trên xe, không người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp. T đi vào nhà dẫn xe ra lộ nổ máy xe tẩu thoát. Lúc này bà Lê Thị Q ở sát nhà anh B phát hiện truy hô, nhưng T vẫn điều khiển xe trộm được chạy về nhà T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T tháo bỏ biển số xe 63B1-XXX.XX và bán xe cho một người tên K không rõ họ tên và địa chỉ được 4.500.000đ. T tiêu xài hết.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã trích xuất Camera ghi hình tại nhà anh B xác định được Lê Quốc T trộm cắp xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX. Quá trình điều tra T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

Kết luận thẩm định số 138, ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện C xác định: Xe mô tô hiệu Ware Alpha, màu đen-bạc, biển số 63B1-XXX.XX trị giá 7.200.000đ.

Đối với xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX T bán cho một người tên K không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được; 01 biển số xe và 01 kính chiếu hậu T vứt xuống sông mất Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh B yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe bị mất là 7.200.000đ, bị cáo đồng ý nhưng chưa thực hiện.

Đối với người tên V và tên K có hành vi cầm và mua xe của T và Đ trộm cắp mà có. Hiện chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể, nên chưa tiến hành tố tụng được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác định điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc T và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc T 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam bị cáo là ngày 08/10/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 08/10/2019.

* Ngoài ra trong bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 16/4/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị số 87/QĐ-VKS-P7, kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính 13.100.000 đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Ngày 17/3/2020, bị cáo Lê Quốc T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Quốc T vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị số 87/QĐ-VKS-P7 ngày 16/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo T cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo T mức án 05 (năm) năm tù là phù hợp. Hồ sơ tài liệu thể hiện các bị cáo thu lợi bất chính số tiền 13.100.000 đ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; chấp

nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai đồng bọn, phù hợp với lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Vào các ngày 22/9 và 07/10/2019 các bị cáo Lê Quốc T, Nguyễn Văn Đ đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đột nhập vào nhà các anh Trương Văn C, Lê Quang B lấy trộm 02 xe mô tô. Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C thì tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá: 51.300.000 đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì động cơ xấu tham lam, muốn có tiền tiêu xài khỏi phải lao động, mà các bị cáo cố ý cấu kết nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của các bị cáo, chẳng những xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Gây ra tâm lý hoang mang lo sợ bức xúc trong người dân. Bản thân của bị cáo T đã từng bị xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy thế nhưng lại tiếp tục phạm tội mới mà không biết sửa đổi hối hận, ăn năn hối cải, phạm tội liên tục nên hành vi này cần phải được xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về mức án, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; giá trị chiếm đoạt trong vụ trộm cũng không phải là nhỏ; nhân thân là xấu đã từng bị xét xử về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào năm 2012. Trong khi chưa được xóa án tích bị cáo tiếp tục phạm tội mới liên tục 02 lần. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân xử phạt bị cáo với mức án 05 năm tù là tương xứng. Quá trình từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo không có phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Theo kháng nghị số 87/QĐ-VKS-P7 ngày 16/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo Lê Quốc T và Nguyễn Văn Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính 13.100.000 đ để sung vào ngân sách Nhà nước. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền 13.100.000 đ là nằm trong tổng số 16.000.000 đ của đối tượng K bỏ ra mua xe mô tô biển số 63B1-XXX.XX của anh C. Do K đang bỏ trốn nên chưa có cơ sở xử lý số tiền này, bởi lẽ nếu xác định K phạm tội tiêu thụ

tài sản do người khác phạm tội mà có thì số tiền này mới bị sung quỹ; nếu không xác định được K phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì phải buộc trả lại số tiền này cho K. Như vậy, số tiền này liên quan đến một vụ án chưa được xử lý nên không thể quyết định trong vụ án này. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang là không có cơ sở nên bác.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử đã có cân nhắc xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Lê Quốc T.**

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quốc T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.**

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Quốc T 05 (năm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/10/2019.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND H. C;
- VKSND H. C;
- Công an H. C;
- THADS H. C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Thanh Vân

